

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

Số: /2021/QĐ-UBND

(Dự thảo 2)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về bảo vệ môi trường đối với lĩnh vực chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng, vật nuôi;

Căn cứ nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi thành Luật Thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Căn cứ Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BNNPTNN ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi lợn, trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học;

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về điều kiện nuôi thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BTNMT ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

Căn cứ Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bảo vệ môi trường đối với lĩnh vực chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2021 và thay thế Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy định về bảo vệ môi trường đối với lĩnh vực chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT/Tỉnh ủy, TT/HĐND tỉnh;
- CT, các PCT/UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- HTĐT: sotp@soctrang.gov.vn;
- Lưu: VT, ...

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

QUY ĐỊNH**Về bảo vệ môi trường đối với lĩnh vực chăn nuôi gia súc, gia cầm và
nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày tháng năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về bảo vệ môi trường và trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và các cơ quan, đơn vị có liên quan.
2. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động liên quan đến chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.
3. Quy định này không áp dụng cho các trường hợp nuôi sinh thái trên đồng ruộng trong mùa lũ, các hộ sản xuất, chăn nuôi vịt chạy đồng.

Điều 3. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản trong khu vực không được phép của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư; trừ nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường.
2. Xả thải chất thải trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản chưa được xử lý hoặc xử lý chưa đạt yêu cầu vào nơi tiếp nhận chất thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Khai thác, nuôi trồng thủy sản, xây dựng công trình và hoạt động khác ảnh hưởng đến môi trường sống, nguồn lợi thủy sản trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt và phân khu phục hồi sinh thái của khu bảo tồn biển.
4. Sử dụng kháng sinh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng trong chăn nuôi và nuôi trồng; sử dụng giống vật nuôi, thủy sản nằm ngoài Danh mục giống vật nuôi, thủy sản được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.
5. Vận chuyển, chôn lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn, chất thải nguy hại không đúng quy trình kỹ thuật, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Phát tán, thải ra môi trường chất độc hại, vi rút độc hại có khả năng lây nhiễm cho con người, động vật, vi sinh vật chưa được kiểm định, xác súc vật chết do dịch bệnh và tác nhân độc hại khác đối với sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên.

7. Che giấu hành vi gây ô nhiễm môi trường, cản trở, làm sai lệch thông tin, gian dối trong hoạt động bảo vệ môi trường dẫn đến hậu quả xấu đối với môi trường.

8. Các hành vi bị nghiêm cấm khác về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phân loại quy mô hoạt động chăn nuôi

Chăn nuôi gia súc, gia cầm được tính theo đơn vị vật nuôi. Trong đó, chăn nuôi nông hộ là chăn nuôi với quy mô dưới 10 đơn vị vật nuôi. Chăn nuôi quy mô trang trại là chăn nuôi với quy mô từ 10 đơn vị vật nuôi trở lên gồm: quy mô từ 10 đến dưới 30 đơn vị vật nuôi là chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ; quy mô từ 30 đến dưới 300 đơn vị vật nuôi là chăn nuôi quy mô vừa; quy mô từ 300 đơn vị vật nuôi trở lên là chăn nuôi quy mô lớn.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG CHĂN NUÔI GIA SÚC, GIA CẦM VÀ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Điều 5. Trách nhiệm bảo vệ môi trường của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về thú y, giống vật nuôi, an toàn sinh học và bảo vệ môi trường trong hoạt động chăn nuôi và nuôi trồng.

2. Không được triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh khi chưa được cấp có thẩm quyền cấp các thủ tục về môi trường tại Điều 10 Quy định này.

3. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, bản đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường đã được xác nhận và các thủ tục môi trường tương đương khác.

4. Phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đối với môi trường từ các hoạt động của mình; thực hiện nghiêm các quy định về chăn nuôi thú y: tiêm phòng, vệ sinh chuồng trại, tiêu độc khử trùng thường xuyên khu vực sản xuất, chăn nuôi, thực hiện tốt các biện pháp an toàn sinh học. Đảm bảo các yêu cầu về phòng chống dịch bệnh, vệ sinh thú y, tiêu độc khử trùng theo định kỳ và sau mỗi đợt nuôi.

5. Trường hợp các hoạt động chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản gây ô nhiễm môi trường, chủ các cơ sở chăn nuôi và nuôi trồng có trách nhiệm phải thực hiện ngay các biện pháp xử lý, khắc phục triệt để. Trường hợp ô nhiễm nghiêm trọng phải tạm ngừng hoạt động chăn nuôi và nuôi trồng, chủ cơ sở phải thông báo khả năng gây tổn hại cho dân cư chung quanh, đồng thời báo cáo ngay cho chính quyền

địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường, cơ quan quản lý nhà nước về thú y của địa phương.

6. Đối với hoạt động nuôi các loài động vật hoang dã phải đảm bảo các yêu cầu về an toàn, tiêu chuẩn chuồng trại theo quy định.

8. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người lao động trong cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của mình.

9. Xây dựng kế hoạch quan trắc và giám sát môi trường định kỳ theo cam kết và báo cáo công tác bảo vệ môi trường của cơ sở định kỳ hàng năm theo quy định đến cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường.

10. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải khắc phục, bồi thường thiệt hại và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật; sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phân bón trong sản xuất nông nghiệp phải thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

11. Thực hiện nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo quy định tại Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

12. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ để xử lý chất thải trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, đảm bảo vệ sinh môi trường.

13. Các dự án chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản thực hiện đúng các quy định về tài nguyên nước theo quy định tại Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

14. Phân bón, sản phẩm xử lý môi trường chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đã hết hạn sử dụng phải được quản lý theo quy định của pháp luật có liên quan. Bao bì đựng phân bón, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, sản phẩm xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi sau khi sử dụng, bùn đất và thức ăn lắng đọng khi làm vệ sinh trong ao nuôi thủy sản phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải. Bùn nạo vét từ kênh, mương, công trình thủy lợi phải được thu gom, tái sử dụng, tái chế và quản lý theo quy định của pháp luật. Việc sử dụng chất thải từ hoạt động chăn nuôi để làm phân bón hữu cơ, nước tưới cây hoặc mục đích khác phải thực hiện theo quy định khác có liên quan.

15. Trong hoạt động chăn nuôi và nuôi trồng có phát sinh chất thải nguy hại, chủ cơ sở có trách nhiệm: Đăng ký Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại và báo cáo với Sở Tài nguyên và Môi trường; Có biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải nguy hại; Bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại; Lưu giữ chất thải nguy hại trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại

Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại. Trường hợp xảy ra dịch bệnh: xác gia súc, gia cầm phải xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại và vệ sinh phòng bệnh; đối với nuôi trồng thủy sản thì sau khi thu hoạch hoặc tiêu hủy phải khử trùng nước trong ao, tẩy trùng, sát khuẩn, xử lý nền đáy, diệt giáp xác và các vật chủ trung gian truyền bệnh trong ao.

16. Bảo đảm đối xử nhân đạo với vật nuôi theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Điều kiện của cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản

1. Cơ sở chăn nuôi với quy mô trang trại phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Vị trí, địa điểm phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch chăn nuôi của địa phương; trường hợp chưa có quy hoạch thì phải được các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép. Khoảng cách từ trang trại đến trường học, bệnh viện, khu dân cư, nơi thường xuyên tập trung đông người, đường giao thông chính, nguồn nước mặt tối thiểu 100m; cách nhà máy chế biến, giết mổ lợn, chợ buôn bán tối thiểu 1km. Trại chăn nuôi phải có tường hoặc hàng rào bao quanh.

b) Có đủ nguồn nước đảm bảo chất lượng cho hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi.

c) Có chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi phù hợp với từng loại vật nuôi

d) Có khoảng cách an toàn từ khu vực chăn nuôi trang trại đến đối tượng chịu ảnh hưởng của hoạt động chăn nuôi và từ nguồn gây ô nhiễm đến khu vực chăn nuôi trang trại.

2. Chăn nuôi nông hộ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Chuồng nuôi phải tách biệt với nơi ở của người.

b) Định kỳ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi.

c) Có biện pháp phù hợp để vệ sinh phòng dịch; thu gom, xử lý phân, nước thải chăn nuôi, xác vật nuôi và chất thải chăn nuôi khác theo quy định của pháp luật về thú y, bảo vệ môi trường.

3. Cơ sở nuôi trồng thủy sản phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Địa điểm xây dựng cơ sở nuôi trồng thủy sản phải tuân thủ quy định về sử dụng đất, khu vực biên để nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật.

b) Đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản trong ao (đầm/hầm) thì bờ ao (đầm/hầm), bể nuôi trồng thủy sản làm bằng vật liệu không gây ô nhiễm môi trường, không gây độc hại cho thủy sản nuôi, không rò rỉ nước; nơi chứa rác thải phải riêng biệt với nơi chứa, nơi xử lý thủy sản chết và tách biệt với khu vực nuôi, không làm ảnh hưởng đến môi trường.

c) Trường hợp cơ sở nuôi trồng thủy sản có khu chứa trang thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu phải bảo đảm yêu cầu bảo quản của nhà sản xuất, nhà cung cấp; cơ

sở nuôi trồng thủy sản có khu sinh hoạt, vệ sinh phải bảo đảm nước thải, chất thải sinh hoạt không làm ảnh hưởng đến khu vực nuôi.

d) Trường hợp cơ sở nuôi trồng thủy sản thâm canh, bán thâm canh phải có hệ thống xử lý nước cấp, nước thải riêng biệt; nơi chứa bùn thải phù hợp, có biển báo chỉ dẫn từng khu và đáp ứng quy định tại điểm b, c khoản này.

đ) Đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản bằng lồng, bè, đăng quàng thì khung lồng, phao, lưới, đăng quàng phải làm bằng vật liệu không gây ô nhiễm môi trường, không gây độc hại cho thủy sản nuôi và không để thủy sản nuôi thoát ra môi trường; có thiết bị cảnh báo cho hoạt động giao thông thủy; nơi chứa rác thải phải riêng biệt với nơi chứa, nơi xử lý thủy sản chết, không làm ảnh hưởng đến môi trường.

e) Trang thiết bị sử dụng trong nuôi trồng thủy sản phải làm bằng vật liệu dễ vệ sinh, không gây độc đối với thủy sản nuôi, không gây ô nhiễm môi trường.

Điều 7. Xử lý chất thải trong chăn nuôi trang trại

1. Đối với chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ được xử lý như sau:

a) Tổ chức, cá nhân sở hữu cơ sở chăn nuôi trang trại có trách nhiệm xử lý chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trước khi sử dụng cho cây trồng hoặc làm thức ăn cho thủy sản;

b) Chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ chưa xử lý khi vận chuyển ra khỏi cơ sở chăn nuôi trang trại đến nơi xử lý phải sử dụng phương tiện, thiết bị chuyên dụng;

c) Vật nuôi chết vì dịch bệnh và chất thải nguy hại khác phải được xử lý theo quy định của pháp luật về thú y, bảo vệ môi trường.

2. Đối với nước thải chăn nuôi được xử lý như sau:

a) Tổ chức, cá nhân sở hữu cơ sở chăn nuôi trang trại có trách nhiệm thu gom, xử lý nước thải chăn nuôi đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Riêng Cơ sở chăn nuôi có tổng lượng nước thải nhỏ hơn 02 m³/ngày phải có hệ thống thu gom và hệ thống lắng, ủ nước thải hợp vệ sinh; Cơ sở chăn nuôi có tổng lượng nước thải từ 02 m³/ngày đến dưới 05 m³/ngày phải có hệ thống thu gom và hệ thống xử lý chất thải đủ công suất như biogas (hệ thống khí sinh học) hoặc đệm lót sinh học phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia.

b) Nước thải chăn nuôi đã xử lý đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi được sử dụng cho cây trồng.

c) Nước thải chăn nuôi chưa xử lý khi vận chuyển ra khỏi cơ sở chăn nuôi trang trại đến nơi xử lý phải sử dụng phương tiện, thiết bị chuyên dụng.

3. Tổ chức, cá nhân sở hữu cơ sở chăn nuôi trang trại có trách nhiệm xử lý khí thải, tiếng ồn từ hoạt động chăn nuôi đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải, tiếng ồn trong hoạt động chăn nuôi.

4. Việc xử lý chất thải khác phải tuân thủ quy định của pháp luật về thú y, bảo vệ môi trường.

Điều 8. Xử lý chất thải trong chăn nuôi nông hộ

Chủ chăn nuôi nông hộ phải thực hiện các yêu cầu sau đây:

1. Có biện pháp xử lý phân, nước thải, khí thải chăn nuôi bảo đảm vệ sinh môi trường và không gây ảnh hưởng đến người xung quanh; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn phát ra trong hoạt động chăn nuôi đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn trong hoạt động chăn nuôi.

2. Vật nuôi chết vì dịch bệnh và chất thải nguy hại khác phải được xử lý theo quy định của pháp luật về thú y, bảo vệ môi trường.

Điều 9. Xử lý chất thải trong nuôi trồng thủy sản

Tùy thuộc vào điều kiện quy mô và loại hình hoạt động mà sử dụng các biện pháp xử lý giảm thiểu ô nhiễm môi trường, vệ sinh phòng dịch theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, vệ sinh thú y.

1. Xử lý nước thải:

a) Hệ thống cấp nước, thoát nước thải phải luôn thông thoáng, được sên vét, cải tạo thường xuyên đảm bảo không để bồi lắng, tồn đọng gây tác động xấu đến môi trường và hoạt động sản xuất, canh tác của khu vực.

b) Nước thải phải được thu gom và xử lý bằng biện pháp, công nghệ hợp lý không để rò rỉ, phát tán vi sinh vật, mầm bệnh gây ô nhiễm môi trường; hệ thống xử lý nước thải phải được vận hành thường xuyên, nước thải sau xử lý đạt giá trị của các thông số: pH, BOD₅ (20⁰C), COD, chất rắn lơ lửng, coliform theo quy định tại QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

2. Xử lý chất thải rắn: Chất thải phát sinh trong nuôi trồng thủy sản phải được thu gom, xử lý triệt để bằng các biện pháp thích hợp; đối với lượng bùn thải và xác vật nuôi phải được thu gom xử lý triệt để theo quy định của pháp luật về chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại, đảm bảo không để phát tán mầm bệnh, vi sinh vật làm ảnh hưởng đến hoạt động, sản xuất, canh tác trong khu vực.

3. Quy định đối với hoạt động sên, vét đất, bùn cải tạo ao, đầm nuôi trồng thủy sản:

a) Hoạt động cải tạo (sên), vét đất, bùn cải tạo ao nuôi được thực hiện quanh năm (hay theo lịch thời vụ, lịch điều tiết nước của khu vực).

b) Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sên, vét đất, bùn cải tạo ao, đầm nuôi trồng thủy sản đảm bảo không để bùn, đất, chất thải khác trong ao, đầm chưa được xử lý thoát ra môi trường bên ngoài.

c) Trước khi thực hiện việc sên, vét đất, bùn cải tạo ao, đầm phải thông báo cho các hộ xung quanh khu vực có khả năng ảnh hưởng để chủ động trong sản xuất và phòng tránh nguy cơ lây lan dịch bệnh.

4. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được quản lý: Trường hợp bùn thải có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại. Trường hợp bùn thải sau hệ thống xử lý không có yếu tố nguy hại (vượt ngưỡng chất thải nguy hại) thì được phép xử lý theo quy định về quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.

Điều 10. Quy định đối với việc lập thủ tục hành chính về môi trường

1. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường

a) Dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường:

- Dự án xây dựng cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm có quy mô chuồng trại từ 500 đầu gia súc hoặc 20.000 đầu gia cầm trở lên hoặc dự án đầu tư xây dựng cơ sở chăn nuôi, chăm sóc động vật hoang dã có quy mô từ 50 động vật hoang dã trở lên; Dự án xây dựng cơ sở nuôi trồng thủy sản có diện tích mặt nước từ 10 ha trở lên, riêng các dự án nuôi quảng canh từ 50 ha trở lên thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Dự án có phát sinh lượng tổng lượng nước thải công nghiệp từ 500 m³/ngày (24 giờ) trở lên (trừ dự án nuôi trồng thủy sản) hoặc từ 20.000 m³ khí thải/giờ hoặc 10 tấn chất thải rắn/ngày (24 giờ) trở lên.

b) Nội dung chính của báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định tại Điều 22 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. Hồ sơ đề nghị thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ. Cấu trúc và nội dung cụ thể của báo cáo đánh giá tác động môi trường quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Hồ sơ đề nghị thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng để được xem xét, tổ chức thẩm định và phê duyệt theo quy định.

2. Đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường

a) Dự án thuộc đối tượng sau đây thuộc đối tượng phải đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường:

- Dự án xây dựng cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm có quy mô chuồng trại từ 100 đến dưới 500 đầu gia súc hoặc từ 5.000 đến dưới 20.000 đầu gia cầm hoặc dự án đầu tư xây dựng cơ sở chăn nuôi, chăm sóc động vật hoang dã có quy mô từ 05 động vật hoang dã đến dưới 50 động vật hoang dã; Dự án xây dựng cơ sở nuôi trồng thủy sản có diện tích mặt nước từ 05 ha đến dưới 10 ha, riêng các dự án nuôi quảng canh từ 10 ha đến dưới 50 ha.

- Dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc dự án, phương án đầu tư mở rộng quy mô, nâng công suất các cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản có phát sinh lượng nước thải từ 20 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 500 m³/ngày (24 giờ) hoặc chất thải rắn từ 01 tấn/ngày (24 giờ) đến dưới 10 tấn/ngày (24 giờ) hoặc khí thải từ 5.000 m³ khí thải/giờ đến dưới 20.000 m³ khí

thải/giờ (bao gồm cả cơ sở đang hoạt động và phần mở rộng) trừ các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy định tại cột 3 Phụ lục II Mục I ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ.

b) Nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường được quy định tại Điều 30 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. Hồ sơ đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường được quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ với biểu mẫu tương ứng quy định tại các Mẫu số 01 và Mẫu số 02 Phụ lục VII Mục I ban hành kèm theo Nghị định này.

c) Hồ sơ đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện để xác nhận theo quy định. Trường hợp dự án xây dựng cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản thuộc đối tượng quy định tại Phụ lục IV Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ thì nộp hồ sơ đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng để Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng xác nhận theo quy định.

3. Đối với các dự án chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản không thuộc khoản 1 và 2 Điều này được miễn thực hiện đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường. Việc quản lý, xử lý chất thải và các nghĩa vụ khác về bảo vệ môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương III

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG CHĂN NUÔI GIA SÚC, GIA CẦM VÀ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Điều 11. Trách nhiệm của các sở, ngành tỉnh

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các chủ trương, giải pháp về bảo vệ môi trường đối với lĩnh vực chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.

b) Tổ chức thẩm định và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; xác nhận hoàn thành các công trình xử lý môi trường, hướng dẫn và tổ chức kiểm tra, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh trong việc tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường đối với lĩnh vực chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan và địa phương thẩm định các dự án xây dựng cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản, đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản của tỉnh.

b) Tổ chức nghiên cứu, triển khai ứng dụng mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm an toàn sinh học và nuôi trồng thủy sản bền vững theo điều kiện cụ thể của địa phương.

c) Phối hợp Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ngành liên quan kiểm tra, đôn đốc các địa phương, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện Quy định này.

3. Sở Y tế:

Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về bảo vệ sức khỏe nhân dân; tổ chức tập huấn, hướng dẫn kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm, các biện pháp phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản và lây nhiễm qua người đối với các cơ sở chăn nuôi và cộng đồng dân cư.

4. Công an tỉnh:

- Tổ chức thực hiện các biện pháp nghiệp vụ, giám sát hoạt động xả thải của các cơ sở sản xuất, chăn nuôi; kịp thời xử lý, ngăn chặn việc xả chất thải trực tiếp ra môi trường hoặc xả chất thải không đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn gây ô nhiễm môi trường. Thực hiện xử lý theo thẩm quyền hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, chăn nuôi.

- Phối hợp các ngành có liên quan trong công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, chăn nuôi.

- Thông báo cho đơn vị chức năng cùng cấp thuộc ngành Tài nguyên và Môi trường kết quả xử lý các vụ việc có dấu hiệu tội phạm về môi trường và những vụ việc xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền trong lĩnh vực sản xuất, chăn nuôi.

5. Các sở, ngành có liên quan:

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, có trách nhiệm triển khai thực hiện và phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc triển khai thực hiện quy định này.

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Tổ chức thực hiện các văn bản, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản tại địa phương.

b) Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường cũng như các quy định của pháp luật trong hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.

c) Tổ chức đăng ký, xác nhận và chỉ đạo cơ quan chức năng kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch bảo vệ môi trường, Đề án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

d) Phối hợp với các sở, ban, ngành tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch về bảo vệ môi trường trong hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản; công tác phòng chống, kiểm soát dịch bệnh, vệ sinh thú y và các nội dung khác có liên quan.

đ) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có liên quan giải quyết các vấn đề môi trường liên.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động chăn nuôi gia súc gia cầm, nuôi trồng thủy sản và các văn bản khác có liên quan trên địa bàn quản lý.

b) Tuyên truyền, giáo dục kiến thức pháp luật về bảo vệ môi trường đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.

c) Xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ về bảo vệ môi trường đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản; công tác phòng chống, kiểm soát dịch bệnh, vệ sinh thú y và các nội dung khác có liên quan.

d) Xác nhận bản khai báo về hoạt động sản xuất, chăn nuôi của các hộ sản xuất, chăn nuôi theo đúng quy định.

đ) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của hộ gia đình, cá nhân; xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các vi phạm về môi trường đối với hoạt động sản xuất, chăn nuôi ở địa phương; tiếp nhận và giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, chăn nuôi.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai và hướng dẫn Quy định này đến các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản phải chấp hành nghiêm Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan. Mọi hành vi vi phạm, tùy theo mức độ đều bị xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Trong quá trình thực hiện, nếu các Bộ, ngành Trung ương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia mới thay thế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được quy định tại Quy định này thì áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan, Ủy ban nhân dân các cấp phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu và có ý kiến đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH